

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HSST
Ngày 18-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Ngọc Lâm

2- Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên
tòa:** Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/TLHS ngày 01 tháng 3 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-ST ngày 15/3/2018 đối với các bị cáo:

1. BÙI THẾ A - sinh năm 1987, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Cống 2 xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 5/12; con ông Bùi Văn N; con bà Trịnh Thị T; vợ Nguyễn Thị N. Bị cáo chưa có con.

Danh chỉ bản số: 008 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. VŨ QUỐC T1 - sinh năm 1977, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Cống 2 xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; con ông Vũ Đại N; con bà Nguyễn Thị P; vợ Bùi Quý H. Bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2010.

Danh chỉ bản số: 004 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. TRỊNH TIẾN H - sinh năm 1991, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Cống 1, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Trịnh Tiến C, Con bà: Nguyễn Thị M. Bị cáo chưa có vợ, con

Danh chỉ bản số 005 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

4. TRỊNH TIẾN Q – sinh năm 1981, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Cống 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Trịnh Tiến N, Con bà: Bùi Thị M; vợ Nguyễn Thị T. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 006 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

5. BÙI VĂN T - sinh năm 1981, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Cống 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con

ông: Bùi Văn C, Con bà: Nguyễn Thị L; vợ Nguyễn Thị P. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 007 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Bị can bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

6. BÙI VĂN P – sinh năm 1976, tại xã Pá, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Công 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Bùi Văn C, Con bà: Nguyễn Thị L; vợ Trịnh Thị H. Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 009 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Bị can bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

7. NGUYỄN VĂN D - sinh năm 1983, tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu Công 2, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn văn A, Con bà: Trần Thị L; vợ Nguyễn Thị T. Bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 003 do Công an huyện Cẩm Khê lập ngày 14/12/2017

Bị can bị tạm giữ ngày 13/12/2017, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/12/2017, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa,, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13/12/2017, Bùi Văn P cùng Vũ Quốc T, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Bùi Thế A đều ở xã P,

huyện C, đi đến nhà Nguyễn Văn D ở cùng xã chơi. Tại đây các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. D lấy chiếu nhựa đã cũ của gia đình trải xuống nền gian bếp để ngồi đánh bạc, bộ bài tú lơ khơ do H mang đến. Các đối tượng ngồi thành hình vòng tròn trên chiếu nhựa. Bùi Văn P là người chia bài ván đầu tiên. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 2.080.000 đồng; 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu nhựa cũ. Thu giữ tại túi quần hậu bên phải của Q số tiền 1.500.000đ, thu giữ tại túi quần hậu bên phải của T số tiền 600.000đ, thu giữ tại tay trái của D số tiền 900.000đ, thu giữ dưới chân T1 số tiền 200.000đ, tại chỗ các đối tượng này đều khai nhận số tiền thu giữ trên sử dụng vào mục đích đánh bạc. Thu giữ tại túi quần bên phải của Bùi Văn P số tiền 7.700.000đ và 01 ví giả da màu nâu bên trong có 1.050.000đ, P khai sử dụng số tiền 7.700.000đ vào mục đích đánh bạc, còn số tiền 1.050.000đ đựng trong ví P không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền là mỗi ván bài, người chơi sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Người cầm cái là người đánh đầu tiên và thống nhất đánh trống cửa thấp nhất là 10.000đ, tổ cao nhất không quá 50.000đ. Nếu không ai theo bài thì người tổ đầu tiên sẽ thắng bạc. Nếu có người theo bài thì so điểm, nếu ai cao điểm hơn thì thắng bạc và được thu tiền của những người chơi đã đặt. Tính điểm từ cao xuống thấp lần lượt là sấp (tức là 3 lá bài giống nhau nhưng khác chất), rồi đến liêng (tức là có 3 lá bài liên tiếp), rồi đến bài có quân đầu người (các lá bài từ J đến K), rồi mới tính đến điểm bằng cách cộng các lá bài, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Ai thắng bạc ván đó sẽ được chia bài ván tiếp theo.

Trước khi đánh bạc D có 1.500.000đ, Toàn có 520.000đ, H có 350.000đ, Q có 1.350.000đ, T có 800.000đ, A có 510.000đ. Các đối tượng khai nhận toàn bộ số tiền đều được các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trước khi đánh bạc P có 9.000.000đ, P khai chỉ lấy ra 7.950.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, nếu thua hết số tiền này P sẽ không chơi nữa, còn số tiền 1.050.000đ P cất trong ví không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 12.980.000đ. Quá trình đánh bạc, các đối tượng không phải nộp tiền thuê địa điểm đánh bạc (tiền hồ) cho ai.

Tại cơ quan điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau về phương

thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định số tiền 1.050.000đ Bùi Văn P đựng trong chiếc ví giả da màu nâu không sử dụng vào mục đích đánh bạc, nên ngày 16/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê ra Quyết định trả lại số tiền 1.050.000đ và 01 ví giả da màu nâu cho Bùi Văn P.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố các bị cáo Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Bùi Thế A, Nguyễn Văn D về tội đánh bạc, theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 248; khoản 1, khoản 2 điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thế A

Áp dụng khoản 1 điều 248, điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến Hoàng, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế A từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt tiền bị cáo Trịnh Tiến H từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ

Bùi Văn Phương; Vũ Quốc T1; Trịnh Tiến Q; Bùi Văn T; Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Thế A từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 12.980.000đ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếu nhựa đã cũ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thế Anh, Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13/12/2017 các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc tại nhà bị cáo D bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 12.980.000đ. Xét lời nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Thế A, Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D, đã phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 248 năm 1999 quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng

đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 249 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.”

[3]. *Về tính chất hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự cộng đồng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục các bị cáo và làm gương cho người khác.

[4]. *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo là người có hiểu biết xã hội, nhưng không chịu làm ăn chính đáng mà lại rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, người thắng thì được tiền, người thua thì mất tiền, tất cả thắng hay thua đều là trái pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra. Lần phạm tội này các bị cáo Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, là phạm lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Bùi Thế A lần phạm tội trước đã được xóa án tích, nhân thân bị cáo không tốt, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, là người phạm tội thành khẩn khai báo; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên khi lượng hình cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H chuẩn bị công cụ; bị cáo P số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều hơn, nên khi áp dụng hình phạt các bị cáo cũng phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy các bị cáo có nơi cư trú ổn định, chưa cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Bùi Thế A, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Phạt tiền đối với bị cáo Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng. Xét thấy ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thế A 5.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

[6]. *Về xử lý vật chứng*: Số tiền 12.980.000đ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tịch thu tiêu hủy thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc nhựa đã cũ.

[7]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Các bị cáo Bùi Thế A, Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D phạm tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1,3 điều 248, khoản 1, khoản 2 điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thế A.

Áp dụng khoản 1 điều 248, điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm i,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D.

Xử phạt:

1. Bùi Thế A 20(Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 9 ngày tạm giữ(từ ngày 13/12/2017 đến ngày 22/12/2017) quy đổi = 27 ngày cải tạo không giam giữ. Vậy bị cáo còn phải chấp hành 19(Mười chín) tháng 3(Ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Thế A cho UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

2. Bùi Văn P 12 (Mười hai triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Trịnh Tiến H 12 (Mười hai triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

4. Trịnh Tiến Q 10 (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

5. Bùi Văn T 10 (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

6. Nguyễn Văn D 8 (Tám triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

7. Vũ Quốc T1 8 (Tám triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Thế Anh 5(Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Thời hạn nộp tiền một lần kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a,c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu số tiền 12.980.000đ để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc nhựa đã cũ. Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 28/02/2018 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

3. *Về án phí:* □p dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thế A, Bùi Văn P, Vũ Quốc T1, Trịnh Tiến H, Trịnh Tiến Q, Bùi Văn T, Nguyễn Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:*Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh
- Bị cáo
- UBND xã P
- Công an huyện
- Thi hành án hình sự
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dân